

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 04/3/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phương Minh Thành.

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bé Em, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-DS ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S)**, do bà Nguyễn Đức Thạch D là Tổng giám đốc, đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở chính: Số BFF-BFH N K K N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Ông **Châu Thế T**, sinh năm 1992, là Chuyên viên quản lý nợ của Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T (Theo văn bản ủy quyền số 107/2020/GUQ-CNTV ngày 15/12/2020).

Địa chỉ: Số EEE, Nguyễn Đ, khóm C, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Ông **Bùi Thanh T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số DI3 Kiên Thị N, khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Châu Thế T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:*

Ngân hàng TMCP S (S) - Chi nhánh T (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Bùi Thanh T có ký kết hợp đồng tín dụng số LD1915500818 kèm phụ lục lịch trả nợ, các điều khoản chung về cấp tín dụng và giấy nhận nợ cùng ngày 04/6/2019. Theo hợp đồng thì ông T có vay của Ngân hàng số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng. Mục đích vay để tiêu dùng. Lãi suất 16,3%/năm. Thời hạn vay: 60 tháng. Phương thức trả nợ: Lãi trả định kỳ hàng tháng theo dư nợ giảm dần; Vốn gốc thì trả theo phụ lục trả nợ đính kèm hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn, lãi của Ngân hàng. Tính đến ngày 04/3/2021 thì ông Bùi Thanh T còn nợ Ngân hàng tổng cộng lãi và gốc là: 112.152.233 đồng (Trong đó: Tiền nợ gốc là 98.000.000 đồng; Tiền nợ lãi trong hạn là: 13.529.273 đồng; Tiền lãi quá hạn là: 622.960 đồng). Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở cũng như đã làm việc với ông T về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T tổng số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 04/3/2021 là: 112.152.233 đồng. Đồng thời yêu cầu ông Bùi Thanh T tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

*Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông Bùi Thanh T đều vắng mặt các lần triệu tập của Tòa án nên không có lời khai.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Bùi Thanh T có ký kết hợp đồng tín dụng số LD1915500818 ngày 04/6/2019 với nguyên đơn, hợp đồng được lập thành văn bản và ông T đã cung cấp địa chỉ cụ thể ghi trong hợp đồng. Mặc dù hiện nay, ông T không có mặt tại địa chỉ ghi trong hợp đồng, nhưng ông T không thông báo với nguyên đơn về việc thay đổi địa chỉ cư trú nên xem như ông T cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của các đương sự ghi trong hợp đồng là đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Bị đơn có nơi cư trú tại Số D13 Kiên Thị N, khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, nên căn cứ Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Ngày 04/6/2019 ông Bùi Thanh T có giao kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S) - Chi nhánh T theo Hợp đồng tín dụng số LD1915500818 kèm phụ lục lịch trả nợ và Giấy nhận nợ số LD1915500818 cùng ngày 04/6/2019. Theo hợp đồng thì ông T có vay của Ngân hàng số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng. Đây là khoản vay tín chấp, thể hiện sự tự nguyện giao dịch giữa các bên, thống nhất mức lãi suất giữa bên vay và bên cho vay khi ký kết hợp đồng. Các thỏa thuận trong hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng tín dụng các bên giao kết là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở cũng như đã làm việc với ông T về việc yêu cầu ông thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Bùi Thanh T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S) - Chi nhánh T tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/3/2021 là: 112.152.233 đồng (Trong đó: Tiền nợ gốc là 98.000.000 đồng; Tiền nợ lãi trong hạn là: 13.529.273 đồng; Tiền nợ lãi quá hạn là: 622.960 đồng). Đồng thời yêu cầu ông Bùi Thanh T tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Các yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 292; 344; 345; 357; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 177; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 292; 344; 345; 357; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S).

Buộc ông Bùi Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S) - Chi nhánh T tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/3/2021 là: 112.152.233 đồng (*một trăm mười hai triệu, một trăm năm mươi hai ngàn, hai trăm ba mươi ba đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc là 98.000.000 đồng (*chín mươi tám triệu đồng*); Tiền nợ lãi trong hạn là: 13.529.273 đồng (*mười ba triệu, năm trăm*

*hai mươi chín ngàn, hai trăm bảy mươi ba đồng*); Tiền nợ lãi quá hạn là: 622.960 đồng (*sáu trăm hai mươi hai ngàn, chín trăm sáu mươi đồng*).

Kể từ ngày 05/3/2021 ông Bùi Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1915500818 và các điều khoản chung về cấp tín dụng kèm theo ngày 04/6/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số LD1915500818 các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Bùi Thanh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Bùi Thanh T phải chịu số tiền án phí là 5.607.611 đồng (*năm triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn, sáu trăm mười một đồng*). Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S) - Chi nhánh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.660.000 đồng (*Hai triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*) theo lai thu số 0003029 ngày 07/12/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu Trang**